TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 178/2023/DS-ST
Ngày: 22/6/2023.
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 - TP. HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Thu Hằng.

2/ Bà Đàm Vân.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Phương- Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Diễm Hằng - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10 địa chỉ 27 đường Thành Thái - Phường 14 Quận 10 Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", thụ lý số 281/2022/TLST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2022. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2023/QĐST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 47/2023/HPT- DS ngày 31 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng T.

Trụ sở: Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông V - Giấy ủy quyền số: 720/2022/GUQ-CNTT ngày 25/10/2022 (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông K, sinh năm 1988 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Nguyễn Ngọc Lộc, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện của Ngân hàng T (gọi tắt là Ngân hàng), các bản khai và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Ngày 08/09/2020, ông K ký với Ngân hàng T (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng– các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông K, ngày 10/09/2020 Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng JCB (356480-3408) với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, tính đến hết ngày 22/06/2023 ông Khoa đã giao dịch thẻ tín dụng trên như sau:

Số thẻ: 356480-3408

Giao dịch: 449.841.084 đồng.

Lãi phát sinh: 46.655.613 đồng.

Phí (phí trễ hạn, phí vượt hạn mức, phí khác): 3.793.065 đồng.

Đã thanh toán: 417.805.633 đồng.

Ngày 22/05/2022 ông K thanh toán trễ hạn, qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông K vẫn không thanh toán theo yêu cầu của Ngân hàng. Do ông K vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng ngày 29/11/2019), ngày 22/08/2022 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng JCB -356480-3408 và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến hết ngày 22/06/2023, ông K còn nợ các khoản sau:

- Nợ gốc : 59.119.905 đồng
- Lãi quá hạn : 23.364.224 đồng
- Tổng cộng : 82.484.129 đồng

(Bằng chữ: Tám mươi hai triệu, bốn trăm tám mươi bốn ngàn, một trăm hai mươi chín đồng)

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu ông K có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên ông K vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản theo Hợp đồng đã ký với Ngân hàng

Do đó Ngân hàng T yêu cầu Tòa giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn:

- Buộc ông K phải trả ngay cho Ngân hàng T tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 22/06/2023 là 82.484.129 đồng (Bằng chữ: Tám mươi hai triệu, bốn trăm tám mươi bốn ngàn, một trăm hai mươi chín đồng) trong đó:

- Nợ gốc: 59.119.905 đồng

- Lãi quá hạn: 23.364.224 đồng

Và lãi phát sinh từ ngày 23/06/2023 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng.

Bị đơn ông K đã được tòa triệu tập hợp lệ nhưng không tới Tòa hòa giải, vì vậy Tòa đưa vụ án ra xét xử.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và hội đồng xét xử tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thực hiện các thủ tục xét xử vắng mặt đối với bị đơn đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 10. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp trong vụ án theo đơn khởi kiện của nguyên đơn là việc Ngân hàng T cho ông K mở thẻ tín dụng để tiêu dùng, là quan hệ tranh chấp về hợp đồng tín dụng. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại Quận 10, theo qui định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10.

Xét thấy nguyên đơn Ngân hàng T có giấy ủy quyền cho ông V đại diện tham gia tố tụng, giấy ủy quyền phù hợp quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận tư cách tham gia tố tụng của ông V; tại phiên tòa ngày hôm nay, ông V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm a, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn- Ông K, sinh năm 1988 có địa chỉ tại: Nguyễn Ngọc Lộc, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, theo xác minh của công an Phường 14, Quận 10 thì ông K thực tế đang cư trú tại đây. Tòa án nhân dân Quận 10 đã tiến

hành tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng tại địa chỉ trên nhưng bị đơn không đến tòa. Căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Ngày 08/09/2020, ông K ký với Ngân hàng T (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng– các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông K, ngày 10/09/2020 Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng JCB (356480-3408) với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, tính đến hết ngày 22/06/2023 ông Khoa đã giao dịch thẻ tín dụng trên như sau:

Số thẻ: 356480-3408

Giao dịch: 449.841.084 đồng.

Lãi phát sinh: 46.655.613 đồng.

Phí (phí trễ hạn, phí vượt hạn mức, phí khác): 3.793.065 đồng.

Đã thanh toán: 417.805.633 đồng.

Ngày 22/05/2022 ông K thanh toán trễ hạn, qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông K vẫn không thanh toán theo yêu cầu của Ngân hàng. Do ông K vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng ngày 29/11/2019), ngày 22/08/2022 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng JCB -356480-3408 và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến hết ngày 22/06/2023, ông K còn nợ các khoản sau:

- Nợ gốc : 59.119.905 đồng
- Lãi quá hạn : 23.364.224 đồng
- Tổng cộng : 82.484.129 đồng

(Bằng chữ: Tám mươi hai triệu, bốn trăm tám mươi bốn ngàn, một trăm hai mươi chín đồng)

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu ông K có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên ông K vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản theo Hợp đồng đã ký với Ngân hàng

Do đó Ngân hàng T yêu cầu Tòa giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn:

- Buộc ông K phải trả ngay cho Ngân hàng T tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 22/06/2023 là 82.484.129 đồng (Bằng chữ: Tám mươi hai triệu, bốn trăm tám mươi bốn ngàn, một trăm hai mươi chín đồng) trong đó:

- Nợ gốc: 59.119.905 đồng

- Lãi quá hạn: 23.364.224 đồng

Và lãi phát sinh từ ngày 23/06/2023 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất; còn theo qui định tại Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015 thì: Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận, nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc. Vì vậy T yêu cầu tòa án xét xử, buộc ông K phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 22/06/2023 là 82.484.129 đồng (Bằng chữ: Tám mươi hai triệu, bốn trăm tám mươi bốn ngàn, một trăm hai mươi chín đồng) trong đó:

- Nợ gốc: 59.119.905 đồng

- Lãi quá hạn: 23.364.224 đồng

Và lãi phát sinh từ ngày 23/06/2023 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Là phù hợp các quy định pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, vì vậy Ngân hàng T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho Ngân hàng T số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn ông K phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 , Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 280, khoản 1 Điều 357, Điều 463, khoản 1,5 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Áp dụng khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục mức án phí, lệ phí tòa án ban hành kèm theo.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Ông K phải thanh toán dứt điểm cho Ngân hàng T số tiền còn thiếu nợ tính đến ngày 22/06/2023 là 82.484.129 (Tám mươi hai triệu, bốn trăm tám mươi bốn ngàn, một trăm hai mươi chín) đồng, trong đó:

- Nợ gốc: 59.119.905 đồng

- Lãi quá hạn: 23.364.224 đồng

Và lãi phát sinh từ ngày 23/06/2023 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng.

Án phí dân sự sơ thẩm: 4.124.206 (bốn triệu, một trăm hai mươi bốn nghìn, hai trăm lẻ sáu) đồng, ông K chịu.

Ngân hàng T không phải chịu án phí. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí là 1.583.674 đồng cho Ngân hàng T, theo biên lai thu số AA/2021/0019123 ngày 02/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Thời hạn kháng cáo đối với bản án là 15 ngày kể từ ngày các đương sự nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Anh Tuấn